

CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA GIÁO DỤC KĨ NĂNG TƯƠNG TÁC XÃ HỘI CHO HỌC SINH LỚP 1 HÒA NHẬP CÓ HỌC SINH KHIẾM THỊ

ĐỖ THỊ THANH THỦY*

Ngày nhận bài: 3/08/2016; ngày sửa chữa: 8/08/2016; ngày duyệt đăng: 12/08/2016.

Abstract: Social interactive skills education for the inclusive first grade students including students with visual impairments is to form and develop social interactive behaviours for students based on values of relationships between average students and students with visual impairments. This is inclusive and complicated issue and must be considered in the multi-sector collaboration of Physiology, Psychology, Education and Sociology.

Keywords: Education for social interaction skills, inclusive class, first grade student, student with visual impairments, scientific foundation.

Những thập niên gần đây, mô hình giáo dục hòa nhập (GDHN) trẻ khuyết tật đã được triển khai ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. GDHN trẻ khuyết tật Việt Nam xác định: “GDHN là hướng đi chính, đảm bảo cơ hội được học tập và phát triển cho mọi trẻ khuyết tật. Đồng thời, phù hợp với các điều kiện thực tiễn của giáo dục (GD) Việt Nam và xu thế phát triển GD Trẻ khuyết tật thế giới” [1; tr 4]. Trong môi trường GDHN, có kĩ năng tương tác xã hội (KNTTXH) phát triển tốt là điều kiện cần thiết cho việc tạo lập, duy trì và phát triển mối quan hệ tương tác giữa học sinh (HS), đặc biệt là giữa HS khuyết tật và HS không khuyết tật. Những KNTTXH được coi là “Vốn kiến thức về những hành vi được chấp nhận về mặt xã hội và các kĩ năng để đạt được sự độc lập và tăng cảm giác giá trị hơn về bản thân” [2; tr 51].

Ở lớp học hòa nhập có học sinh khiếm thị (HSKT), việc học và biết sử dụng những KNTTXH phù hợp được xác định là một nhu cầu rất quan trọng khi học trong môi trường GDHN. Đặc biệt với HSKT, do gặp khó khăn về khả năng thị giác nên các em thường có những hạn chế nhất định trong quá trình phát triển KNTTXH như: *Mức độ tương tác thấp* (Michael J. uralnick & Joseph M. Groom, 1985; Imamura, S.1965); *Trong tương tác, HSKT thường là “người nhận” hơn là “người khởi xướng”* (Crocker A.D., and Orr R.R., 1996); *Trong thời gian chơi, cả ở môi trường chuyên biệt và môi trường hòa nhập, trẻ khiếm thị và những trẻ có các dạng khuyết tật khác dành phần lớn thời gian của cá nhân để chơi một mình...* (Erwin E.J., 1993).

Vào học lớp 1 là một bước ngoặt trong cuộc đời của mỗi đứa trẻ. Các em được học tập theo phương thức trường học, thiết lập các mối quan hệ và hình

thành thái độ với giáo viên, bạn cùng lớp, với tập thể,... Đây cũng là giai đoạn quan trọng, hình thành KNTTXH để có những tương tác xã hội (TTXH) thành công, tạo cơ sở cho sự phát triển của các em. Nghiên cứu cơ sở khoa học của GD KNTTXH trong lớp 1 hòa nhập có HSKT sẽ định hướng cho việc xác định các biện pháp GD KNTTXH hiệu quả, đáp ứng về mặt lí luận và thực tiễn.

1. Kĩ năng tương tác xã hội

KNTTXH của HS trong lớp 1 hòa nhập có HSKT là năng lực vận dụng có kết quả những tri thức về phương thức hành động tương tác (lời nói, phi lời nói) phù hợp với lứa tuổi của HS, phù hợp với mục đích hành động trong các tình huống và điều kiện tiến hành hoạt động nhất định, giúp cá nhân HS hình thành, tăng cường các mối quan hệ tương tác với những HS khác, đặc biệt là mối quan hệ tương tác giữa học sinh sáng mắt (HSSM) và HSKT trong lớp học hòa nhập.

Những tri thức về phương thức hành động mà HS cần lĩnh hội là mục đích, ý nghĩa, yêu cầu đúng đắn, tích cực, được hình thành ở HSSM và HSKT thông qua các tác động GD từ phía nhà GD và tập thể lớp, bạn bè.

Sự vận dụng tri thức về phương thức hành động thể hiện ở ngôn ngữ cơ thể, ở nét mặt và lời nói của HSSM và HSKT phù hợp với mục đích hành động trong những tình huống, điều kiện tiến hành hoạt động TTXH nhất định giữa HS.

Kết quả của hành động TTXH đạt được là sự gắn bó của HS trong mối quan hệ với các bạn - là quan hệ giữa các cá nhân với tư cách đại diện cho một nhóm xã hội, do xã hội quy định một cách khách quan về vai

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

trò của mỗi cá nhân trong nhóm, từ đó hình thành nên nhóm bạn chơi, nhóm bạn học trong lớp học. Sự gắn bó giúp thiết lập nên mối quan hệ giữa các HS trong lớp (giữa HSSM - HSSM, HSSM - HSKT, HSKT - HSKT) được thể hiện thông qua những phản hồi tích cực, sự hài lòng, tiếp nhận lẫn nhau,...; từ phía bạn tương tác (trong hoạt động tương tác), trong đó cần quan tâm tới mối quan hệ giữa HSSM - HSKT ở các điều kiện học tập, vui chơi, sinh hoạt ở lớp học.

2. GD KNTTXH cho HS trong lớp 1 hòa nhập có HSKT

2.1. GD kĩ năng được hiểu là hình thành năng lực thể hiện những hành vi mong muốn của HS. Do đó, có thể hiểu, *GD KNTTXH cho HS trong lớp 1 hòa nhập có HSKT là quá trình hình thành năng lực thể hiện những hành vi mong muốn của HSSM và HSKT trong TTXH. Điều này có nghĩa là hình thành cho HS những đặc điểm về hành động, đáp ứng các đòi hỏi của hoạt động TTXH với các bạn trong trường/lớp học, để quá trình TTXH giữa các HS (đặc biệt là giữa HSSM và HSKT) được diễn ra và đạt kết quả.*

Trong GD con người, cần *"biến các chuẩn mực xã hội, từ những đòi hỏi bên ngoài, thành những nhu cầu bên trong, thành thói quen của người được GD"* [3; tr 259]. Do đó, GD KNTTXH cho HS cần hình thành nhu cầu thể hiện ra bên ngoài là thói quen hành động (HS thực hiện các hành động đó như là thói quen do nhu cầu trong các hoạt động TTXH hàng ngày với bạn) và cả nhu cầu bên trong (là nhận thức, thái độ, tình cảm về việc thực hiện các hành động TTXH theo các giá trị, chuẩn mực). Năng lực hành vi TTXH của HS cần được xuất phát từ nhu cầu hành động theo những chuẩn mực, quy tắc và chứa đựng ý nghĩa hay giá trị mà xã hội đã quy gán.

GD KNTTXH cho HS là một quá trình toàn vẹn, do đó cần được thực hiện đầy đủ các khâu của quá trình GD - đó là xem xét về cả ba mặt: nhận thức, thái độ và hành vi cho HS. Bởi đây là ba mặt chủ yếu trong cấu trúc tâm lí của cá nhân và có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau.

Nhận thức làm cơ sở cho sự hình thành và điều chỉnh tình cảm, thái độ và hành động của mỗi cá nhân, bởi sự lĩnh hội những chuẩn mực và quy tắc hành vi làm *"thay đổi một cách cơ bản những đặc điểm, xúc cảm, tình cảm của các em"* [4; tr 128]. Quá trình GD KNTTXH cần giúp cho HS nhận thức đúng, đủ, chính xác về nội dung, phương thức thực hiện và ý nghĩa của các chuẩn mực trong TTXH.

Thái độ, tình cảm là một trong những động lực thúc đẩy hoạt động của cá nhân, kích thích con người nhận thức và hành động ở các tình huống TTXH. Nó có thể là khuynh hướng tư duy, cảm nghĩ, tri giác và hành vi của một đối tượng tâm lí và được hình thành từ những mối quan hệ tác động trong quá trình tương tác (với thầy cô giáo, bạn bè và những người xung quanh).

Thói quen thực hiện hành động là mục tiêu của GD, tạo điều kiện cho HS có khả năng sẵn sàng thực hiện TTXH một cách tự giác, củng cố và tăng cường nhận thức, thái độ, tình cảm tích cực của HS đối với các giá trị trong TTXH.

Căn cứ vào nội dung, yêu cầu về GD KNTTXH cho HS lớp 1 hòa nhập có HSKT và đặc điểm tâm sinh lí của HS lớp 1, cần chú ý tác động thường xuyên vào khâu *hình thành và rèn luyện thói quen hành động tương tác* theo giá trị, chuẩn mực trong các mối quan hệ xã hội. Do HSSM và HSKT có những khả năng và nhu cầu *thực hiện hành động TTXH* khác nhau, vì vậy với đa số KNTTXH, ngoài những yêu cầu chung về nhận thức (mục đích, ý nghĩa) còn có những yêu cầu dành riêng cho từng nhóm đối tượng HSSM và HSKT về thực hiện hành động TTXH.

Trên thực tế, có thể có sự không thống nhất giữa nhận thức và hành động của một cá nhân do nhiều nguyên nhân (chẳng hạn: do sự không phù hợp giữa bản chất xã hội của con người với các hình thức biểu hiện, chưa có thói quen thể hiện ra thành hành động,...) hoặc tính không nhất quán trong hành vi (do tính mâu thuẫn và không vững bền của các định hướng giá trị). Việc làm rõ nguyên nhân giúp các nhà GD nắm được sự tiến bộ, khó khăn của HS, cũng như đánh giá mức độ phù hợp của nội dung và biện pháp,... để tìm ra các tác động GD hiệu quả hơn.

2.2. Tiếp cận trong GD KNTTXH cho HS lớp 1 hòa nhập có HSKT. GD KNTTXH dựa trên cách tiếp cận tổng hợp (Sinh lí học, Tâm lí học, GD học, Xã hội học) để hướng tới xác định các biện pháp, hình thức GD nhằm hình thành KNTTXH cho HS.

Cơ sở sinh lí học của việc hình thành KNTTXH: Kĩ năng hành động là những phản xạ có điều kiện, là hệ thống các đường liên hệ thần kinh tạm thời được hình thành tương đối vững chắc trên vỏ não (động lực định hình). Cơ sở sinh lí cho thấy rõ hơn vai trò và tầm quan trọng của việc thường xuyên luyện tập, rèn luyện, củng cố trong quá trình hình thành và duy trì các KNTTXH đã được hình thành.

Lí thuyết hoạt động với việc hình thành KNTTXH: GD KNTTXH cho HS cần hình thành thao tác hành động song song với việc GD nhu cầu tương tác theo định hướng giá trị nhằm đảm bảo sự thống nhất giữa nội dung tâm lí ý thức bên trong với hình thức thể hiện bên ngoài của cá nhân (với vai trò chủ thể). Thao tác là những biểu hiện bên ngoài của hành động và được điều chỉnh bởi cấu trúc tâm lí bên trong của chủ thể và động cơ, mục đích hoạt động của con người đều gắn liền với định hướng giá trị, thước đo giá trị của cộng đồng, nhà trường, của nhóm và từng cá nhân.

KNTTXH của cá nhân chỉ có thể được hình thành thông qua hoạt động tương tác thường xuyên giữa các cá nhân bởi hoạt động có nguồn gốc của sự hình thành và phát triển tâm lí cá nhân đó và TTXH, có đặc điểm bản chất là tương tác liên nhân cách - là quá trình tổ chức hoạt động chung. Những hành vi giao tiếp xã hội được hình thành qua sự trải nghiệm trong nhiều tình huống khác nhau. Trẻ được trải nghiệm với những tình huống và chiến lược tương tác đa dạng sẽ có khả năng giải quyết vấn đề tốt hơn trong các tình huống TTXH.

Các KNTTXH được hình thành ở mỗi cá nhân do được dạy học chủ định (có mục đích, sự hướng dẫn và điều khiển) hoặc không có chủ định (tự phát, ngẫu nhiên, theo con đường thử và sai), chủ yếu thông qua các hình thức: quan sát, bắt chước, luyện tập, rèn luyện và phản hồi. HS lớp 1 là lứa tuổi còn nhỏ, kinh nghiệm và khả năng tự học còn thấp nên KNTTXH của các em cần được hình thành một cách có chủ định, có sự tổ chức, giám sát, điều khiển, hướng dẫn,... của giáo viên nhằm mang lại hiệu quả GD cao hơn.

Thuyết học tập xã hội với việc hình thành KNTTXH: Qua quan sát, bắt chước theo mẫu và phản hồi, trẻ sẽ khám phá những hành vi có thể được chấp nhận, hành vi được điều chỉnh hoặc thông qua thao tác với môi trường. Đối với mỗi cá nhân, bắt chước là một phương thức hòa mình vào xã hội. Trong nhiều trường hợp, bắt chước là một phương thức lĩnh hội những hành vi, cách ứng xử và là tâm lí chung của trẻ. Lí thuyết này đưa ra những gợi ý về con đường hình thành KNTTXH cho trẻ.

Quá trình học tập và phát triển những KNTTXH để có sự tương tác hiệu quả được diễn ra một cách tương đối tự nhiên với đa số trẻ sáng mắt và không có khuyết tật gì (nếu những trẻ này có cơ hội tương tác hàng ngày với bạn). Trẻ khiếm thị do có hạn chế thông

tin thu nhận qua thị giác nên cần học các kĩ năng này thông qua những kênh thông tin, kĩ thuật khác nhau và có sự trợ giúp đặc biệt. Ví dụ: Trẻ khiếm thị cần nhận được những phản hồi về hành vi và ảnh hưởng của hành vi này trong TTXH như thế nào, từ đó trẻ có thể tự đánh giá việc thay đổi hành vi của bản thân trong các tương tác trong tương lai.

Lí thuyết biểu trưng với sự nhận thức về ý nghĩa của các hành động: Các cá nhân trong quá trình tương tác qua lại không phản ứng với các hành động trực tiếp của người khác mà “đọc” và lí giải chúng. Chúng ta luôn tìm những ý nghĩa được gán cho mỗi hành động và chỉ khi đặt mình vào vị trí của người khác, ta mới hiểu ý nghĩa của lời nói, cử chỉ và hành động của họ. Đây là một quá trình quan trọng trong hình thành và phát triển nhân cách cá nhân.

Sự ảnh hưởng lẫn nhau trong TTXH (xã hội hóa cá nhân): Trong TTXH, sự ảnh hưởng làm biến đổi lẫn nhau (giữa các cá nhân) có thể diễn ra trong bình diện nhận thức, thái độ hoặc hành vi theo các cơ chế: lây lan, bắt chước, so sánh xã hội, phục tùng, tuân theo và ám thị. Trong đó, “bắt chước” (đồng nhất mình với người khác) và “lây lan” (chủ thể thu nhận một cách không chủ đích các hành vi, cử chỉ, hành động,...) là hai cơ chế quan trọng của quá trình xã hội hóa cá nhân. Với các cơ chế này, môi trường tương tác nhỏ (lớp học, gia đình,...) sẽ có tác động mạnh đến quá trình xã hội hóa trẻ em, do đó cần đảm bảo những hình mẫu về phương thức và thái độ trong TTXH.

Các nguyên tắc lặp lại hành vi: G. Homans đưa ra một số nguyên tắc cố hành vi làm cơ sở cho KNTTXH với mục tiêu: Hành vi có xu hướng lặp lại (trong hoàn cảnh tương tự) nếu một dạng hành vi được thưởng/có lợi (trong một hoàn cảnh nào đó). Mức độ hài lòng, thỏa mãn với những phần thưởng/những lợi ích cá nhân giành được cao nhất ở lần đầu và có xu hướng giảm dần ở các lần tiếp theo.

KNTTXH là một phần rất cần thiết cho với sự phát triển của trẻ và sự điều chỉnh xã hội trong lớp học. GD KNTTXH cho HS trong lớp 1 hòa nhập có HSKT cần trên cơ sở tiếp cận đa ngành (Sinh lí học, Tâm lí học, GD học, Xã hội học) nhằm đảm bảo việc thực hiện một cách có chủ đích (thông qua các thành tố của quá trình GD KNTTXH) tới các mặt nhận thức, tình cảm và thói quen hành động của HS, sao cho các biểu hiện bên ngoài của hành động TTXH thống nhất với mặt ý thức bên trong của chủ thể nhận thức, trên

(Xem tiếp trang 134)

thích và không thích, tốt nhất là chỉ làm những thứ trẻ thích.

Sử dụng các đồ chơi đã liệt kê mà trẻ thích và cho trẻ khám phá, giúp trẻ khám phá những kiểu chơi mới với những đồ chơi đó. Sử dụng các bài tập nhận thức cơ thể trước gương cũng là những gợi ý hay cho con.

- *Cảm giác cơ thể và sự di chuyển*: Trò chơi bắt chước những biểu hiện gương mặt cũng giúp trẻ học cách bộ lộ cảm xúc: nhướn mày, mặt xấu, mặt cười, nhắm mắt, mím môi, há mồm, lè lưỡi... Có thể sử dụng đồ ăn vặt để dạy trẻ há mồm, nhai... tập vận động miệng.

- *Giao tiếp*: Thường xuyên nói với trẻ mình đang cùng làm gì, kể chuyện lại những hoạt động mình đã làm trong giờ chơi, trong buổi, trong ngày.

Bài tập 13: Di chuyển bằng phương tiện đi lại (xe máy)

- *Cảm giác*: Cho trẻ ra ngoài càng nhiều càng tốt. Âm thanh và sự di chuyển cung cấp các kích thích cảm giác là những điều trẻ có thể học được và thông tin cảm giác trở nên thân thuộc với trẻ hơn. Nếu nơi nào có tiếng động, người lớn có thể chỉ tay về nơi đó, gọi tên để trẻ có cơ hội nhận biết.

- *Cảm giác cơ thể và sự di chuyển*: Bạn có thể cần đến những chiếc ghế thiết kế đặc biệt để di chuyển. Hãy đảm bảo đầu và cơ thể trẻ được nâng đỡ trong các tư thế thoải mái nhất. Nếu bé thích “cầm lái”, có thể thiết kế một cái gân giống bằng gỗ ngay trên ghế trẻ ngồi và ngồi đằng trước bạn là một lựa chọn rất dễ dàng và lí tưởng.

- *Giao tiếp*: Khi đặt bé lên xe, chuẩn bị cho trẻ bằng cách chạm nhẹ lên vai, gọi tên trẻ và nói “chúng ta cùng lên xe nào”. Bạn phải thực hiện các thao tác và diễn đạt bằng lời từng bước. Hãy tạo ra sự chú ý trước sau đó mới đến giao tiếp. Gọi tên những sự vật mà trẻ thấy trên đường, nói về màu của những điều trẻ đã nhìn thấy cũng rất tốt để trẻ học.

KN sống hàng ngày là những KN cần thiết cho bất cứ đứa trẻ nào, do đó, cho trẻ tham gia vào các hoạt động thường nhật chính là cách rèn KN cho trẻ một cách tốt nhất. Với những TKT, những liệt kê ở trên và những gợi ý sẽ là phổ biến và cần thiết giúp trẻ học các KN cho sự tồn tại và phát triển, hướng tới sự độc lập.

Để hỗ trợ trẻ tốt nhất, môi trường gia đình và bố mẹ là nhân tố then chốt giúp trẻ phát triển. Điều này vừa là trách nhiệm vừa là áp lực nặng nề đối với cha mẹ bởi ngoài thời gian bận rộn với công việc, họ còn phải dành thời gian quan tâm, chăm sóc trẻ.

Mọi đứa trẻ đều học tốt nhất thông qua các hoạt động chơi và vui. Thời gian ăn, uống, mặc quần áo, tắm rửa và chuẩn bị đồ ăn, mặc có thể đồng thời là thời gian dạy trẻ để trẻ vừa học, vừa chơi, đặc biệt sẽ cải thiện mối quan hệ giữa cha mẹ và trẻ, giúp ngăn ngừa các vấn đề về hành vi để trẻ có thể độc lập hơn trong hoạt động hàng ngày. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Angelique Kester và cộng sự (2013). *Từng bước nhỏ một (Step by step)* - Chương trình thực hành tại nhà dành cho phụ huynh trẻ khuyết tật nặng tại Việt Nam, (CASPC).
- [2] Darlene Mannix M.A (2009). *Life Skills Activities for Special Children*. Jossey-Bass, 2nd Edition
- [3] Nguyễn Thu Hà (2014). *Một số biện pháp dạy kĩ năng tự phục vụ cho trẻ khuyết tật trí tuệ*.
- [4] Jean Bunnell (2001). *Living on Your Own: An Independent Living Simulation: Activity Text*, J.Weston Walch; 2 edition
- [5] Tina Bestalozzi (2013), *Life Skills 101: A Practical Guide to Leaving Home and Living on Your Own*, Jossey-Bass; 2 edition.

Cơ sở khoa học của giáo dục...

(Tiếp theo trang 74)

cơ sở có sự chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện và yếu tố hỗ trợ. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2005). *Mười năm thực hiện giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật Việt Nam*.
- [2] Sharon Zell Sacks - Karen E.Wolffe (2005). *Teaching social skills to students with visual impairments*. AFB Press, USA.
- [3] Hà Thế Ngữ (2001). *Giáo dục học - một số vấn đề lí luận và thực tiễn*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Bùi Văn Huệ (chủ biên) (2003). *Tâm lí học xã hội*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Nguyễn Thanh Bình (2010). *Giáo dục kĩ năng sống, Giáo trình chuyên đề*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Phạm Minh Hạc (chủ biên) (1991). *Tâm lí học*. NXB Giáo dục.
- [7] Phan Trọng Ngọ - Dương Diệu Hoa - Nguyễn Thị Mùi (2000). *Tâm lí học hoạt động và khả năng ứng dụng vào lĩnh vực dạy học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [8] Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên) (2005). *Giáo trình giáo dục học (tập 1)*. NXB Đại học Sư phạm.
- [9] Sharon Zell Sacks - Linda S. Kekelis - Robert J. Gaylord-Ross (1997). *The development of social skills by blind and visually impaired students*. Exploratory Studies and Strategies, AFB Press, New York.